TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2026
V/v tranh chấp: *"Ly hôn và nuôi dưỡng con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Bà Võ Thị Kim Son

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 188/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2026 về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi dưỡng con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: bà **Tăng Thị Minh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

CCCD số 092184001740 cấp ngày 02/8/2022.

Địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn*: ông **Võ Thành Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)

CCCD số 092083004444.

Địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Tăng Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Võ Thành Đ tự tìm hiểu yêu thương, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (cũ) (giấy chứng nhận

kết hôn số: 397, quyển số: II, ngày 11 tháng 10 năm 2005). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, bà đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Phong Điền (cũ) nhưng rút đơn để cho ông Đ cơ hội sửa đổi nhưng vẫn không đạt kết quả, nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: có 03 con chung tên là Võ Thị Lan A, sinh năm 2003 (trưởng thành), Võ Thị Thanh N, sinh ngày 07/02/2011 và Võ Minh A1, sinh ngày 23/9/2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu Minh A1, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Võ Thành Đ trình bày:

Ông và bà T chung sống từ năm 1999, đến khi có con chung là cháu Lan A thì ông bà đăng ký kết hôn. Ông biết ông đã làm những việc khiến bà T không vừa ý, ông đã cố gắng thay đổi. Nay ông đồng ý ly hôn và giao con chung Võ Thị Thanh N, sinh ngày 07/02/2011 và Võ Minh A1, sinh ngày 23/9/2020 cho bà T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Tăng Thị Minh T và ông Võ Thành Đ yêu cầu vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tại phiên hòa giải ngày 03/4/2026, bà T và ông Đ thống nhất thỏa thuận các nội dung bà T yêu cầu nên Tòa án lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, bà T và ông Đ thống nhất ký tên. Tuy nhiên, ngày 06/4/2026, ông Đ có Đơn thay đổi yêu cầu, ông Đ không đồng ý ly hôn với bà T. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: bà Tăng Thị Minh T và ông Võ Thành Đ sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T và lời thừa nhận của ông Đ (biên bản hòa giải ngày 06/4/2026), nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ ông Đ có những hành xử khiến

bà T không vừa ý, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà T đã từng nộp hồ sơ ly hôn nhưng bà T rút đơn để cho ông Đ cơ hội sửa chữa, nhưng không đạt kết quả. Xét thấy, bà T vẫn giữ yêu cầu ly hôn và không cho ông Đ thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình, vợ chồng mất niềm tin, cả hai bên đều không có động thái hàn gắn hôn nhân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: bà T và ông Đ có 03 con chung: Võ Thị Lan A, sinh năm 2003; Võ Thị Thanh N, sinh ngày 07/02/2011 và Võ Minh A1, sinh ngày 23/9/2020. Bà T và ông Đ thống nhất giao cháu N và cháu Minh A1 cho bà T nuôi dưỡng, xét thấy thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đối với cháu Lan A đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không xem xét. Về cấp dưỡng, bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông Đ và bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Tăng Thị Minh T được ly hôn Võ Thành Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thanh N, sinh ngày 07/02/2011 và Võ Minh A1, sinh ngày 23/9/2020 cho bà Tăng Thị Minh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Thành Đ, không ai có quyền cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí: bà Tăng Thị Minh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004059 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc